

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẦU LỚN - HÀM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẦU LỚN - HÀM

Số 278, phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cầu lớn - Hàm (sau đây gọi là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cầu lớn - Hàm là Công ty Cổ phần, được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 2127/QĐ-BGTVT ngày 12 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100107959 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 03 ngày 18 tháng 01 năm 2016.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: BRIDGE AND TUNNEL ENGINEERING CONSULTANT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: BRITEC.

Trụ sở chính Công ty: số 278, phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cầu lớn - Hàm là 15.000.000.000 đồng, trong đó:

- Vốn thuộc sở hữu của Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải – CTCP là: 7.650.000.000 đồng, chiếm 51% tổng giá trị vốn góp;
- Vốn của các cổ đông cá nhân là: 7.348.880.000 đồng chiếm 48,99% tổng giá trị vốn góp
- Cổ phiếu quỹ 1.120.000 đồng chiếm 0,01%.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Hữu Sơn	Chủ tịch Hội đồng quản trị	
Ông Trần Khánh Hà	Thành viên	
Ông Nguyễn Minh Vũ	Thành viên	
Ông Nguyễn Thanh Hà	Thành viên	
Ông Nguyễn Công Tâm	Thành viên	Miễn nhiệm 31/3/2017
Ông Lê Đông Hà	Thành viên	Bổ nhiệm 01/4/2017

Ban Giám đốc

Ông Trần Khánh Hà	Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Hà	Phó Giám đốc
Ông Lê Đông Hà	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Vũ	Phó Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Ngô Nam Hà	Trưởng ban
Ông Trần Trường Phi	Thành viên
Bà Đào Thị Tuyết Mai	Thành viên

Kế toán Công ty

Bà Đào Thị Mai Phương	Kế toán trưởng
-----------------------	----------------

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Đại diện pháp luật của Công ty,



Trần Khánh Hà
Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2018

Số: 112/2018/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Về Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cầu lớn - Hàm**

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cầu lớn - Hàm

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cầu lớn - Hàm (gọi tắt là “ Công ty”), được lập ngày 12 tháng 03 năm 2018, từ trang 5 đến trang 29, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Số dư nợ phải thu khách hàng tại thời điểm 31/12/2017 là 45.045.441.741 đồng, trong đó số nợ phải thu của khách hàng có tuổi nợ trên 1 năm là 20.341.723.808 đồng. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi 2.062.400.000 đồng (cho số nợ phải thu là 3.776.392.129 đồng), số dư nợ có thời gian trên 01 năm còn lại của Công ty chưa được chủ đầu tư xác nhận công nợ làm ảnh hưởng đến khả năng thu hồi công nợ, tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế bổ sung đã thực hiện cũng không giúp chúng tôi thu thập được bằng chứng cần thiết để làm cơ sở đưa ra ý kiến đánh giá về các khoản nợ có thời gian trên 01 năm chưa được chủ đầu tư xác nhận đối chiếu cũng những ảnh hưởng (nếu có) của chúng đến các khoản mục khác liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của vấn đề nêu trong đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phan Huy Thắng
Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0147-2018-137-1

A blue handwritten signature of Nguyễn Thị Ngọc Châm.

Nguyễn Thị Ngọc Châm
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2980-2015-137-1

Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens
Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	MS	TM	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		84.074.130.473	75.039.938.256
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.01	10.305.885.721	9.347.758.063
1. Tiền	111		6.805.885.721	6.947.758.063
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.500.000.000	2.400.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.400.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.02	2.400.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		59.835.763.465	53.762.042.134
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.03	45.045.441.741	36.857.183.467
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.04	4.789.279.546	4.755.332.819
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.05	12.063.442.178	13.743.215.848
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.062.400.000)	(1.593.690.000)
IV. Hàng tồn kho	140		11.532.481.287	11.930.138.059
1. Hàng tồn kho	141	5.06	11.532.481.287	11.930.138.059
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.135.193.015	2.755.320.395
I. Tài sản cố định	220		4.931.746.473	2.608.998.127
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.07	4.275.335.514	2.608.998.127
- Nguyên giá	222		11.654.669.481	10.795.718.327
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.379.333.967)	(8.186.720.200)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.08	656.410.959	-
- Nguyên giá	228		2.184.920.441	1.424.920.441
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.528.509.482)	(1.424.920.441)
II. Tài sản dài hạn khác	260		203.446.542	146.322.268
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.09	203.446.542	146.322.268
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		89.209.323.488	77.795.258.651

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	MS	TM	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		67.584.858.665	58.678.643.703
I. Nợ ngắn hạn	310		67.584.858.665	58.678.643.703
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	12.427.663.185	14.379.454.549
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	43.020.090.076	38.141.696.193
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	1.704.679.934	1.834.552.577
4. Phải trả người lao động	314		4.630.542.115	2.738.045.895
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	1.871.469.686	1.235.880.820
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		3.700.000.000	-
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		230.413.669	349.013.669
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		21.624.464.823	19.116.614.948
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.14	21.624.464.823	19.116.614.948
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.000.000.000	15.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.000.000.000	15.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(1.120.000)	(1.120.000)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.625.584.823	4.117.734.948
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		276.936.548	42.710.905
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		6.348.648.275	4.075.024.043
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		89.209.323.488	77.795.258.651

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2018

Người lập



Bùi Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng



Đào Thị Mai Phương

Giám đốc



Trần Khánh Hà

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.01	107.203.703.450	84.574.322.728
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.02	668.042.355	55.770.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		106.535.661.095	84.518.552.728
4. Giá vốn hàng bán	11	6.03	82.567.998.665	68.776.732.350
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23.967.662.430	15.741.820.378
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.04	41.030.941	133.049.763
7. Chi phí tài chính	22		-	23.793.000
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.05	16.249.374.526	10.340.707.215
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.759.318.845	5.510.369.926
11. Thu nhập khác	31		310.812.737	22.280.000
12. Chi phí khác	32		79.956.991	208.283.398
13. Lợi nhuận khác	40		230.855.746	(186.003.398)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.990.174.591	5.324.366.528
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.07	1.641.526.316	1.249.342.485
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.348.648.275	4.075.024.043
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.08	4.233	2.717

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Bùi Thị Thu Hằng



Đào Thị Mai Phương



Trần Khánh Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		113.875.760.814	97.498.399.926
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(62.278.803.121)	(50.153.080.783)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(30.814.967.341)	(29.730.280.333)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.920.608.474)	(773.590.992)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		19.402.026.063	20.410.026.976
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(29.482.044.527)	(30.484.991.427)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.781.363.414	6.766.483.367
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.102.575.037)	(328.889.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		338.000.000	22.280.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.400.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		41.030.941	133.049.763
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.123.544.096)	(173.559.237)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	1.597.885.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(1.597.885.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.699.691.660)	(2.549.809.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.699.691.660)	(2.549.809.600)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		958.127.658	4.043.114.530
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.01	9.347.758.063	5.304.643.533
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.01	10.305.885.721	9.347.758.063

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Bùi Thị Thu Hằng



Đào Thị Mai Phương



Trần Khánh Hà

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Lịch sử phát triển

Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cầu lớn - Hàm là Công ty Cổ phần, được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 2127/QĐ-BGTVT ngày 12 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100107959 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 03 ngày 18 tháng 01 năm 2016.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: BRIDGE AND TUNNEL ENGINEERING CONSULTANT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: BRITEC.

Trụ sở chính của Công ty: số 278, phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cầu lớn - Hàm là 15.000.000.000 đồng, trong đó:

- Vốn thuộc sở hữu của Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải - CTCP là: 7.650.000.000 đồng, chiếm 51% tổng giá trị vốn góp;
- Vốn của các cổ đông cá nhân là: 7.348.880.000 đồng chiếm 48,99% tổng giá trị vốn góp
- Cổ phiếu quỹ 1.120.000 đồng chiếm 0,01%.

1.1 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107959 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Tư vấn thiết kế các công trình cầu, hầm, giao thông đường bộ;
- Tư vấn, thiết kế cầu, hầm, giao thông đường bộ;
- Tư vấn giám sát thi công, thầu tải, đánh giá chất lượng công trình giao thông;
- Khảo sát địa chất thủy văn, thiết kế thoát nước công trình;
- Thiết kế điện chiếu sáng công trình dân dụng, công nghiệp và giao thông;
- Khảo sát trắc địa công trình;
- Tư vấn đánh giá tác động môi trường của công trình trước và sau khi xây dựng;
- Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, các thông tin trong lĩnh vực tư vấn xây dựng công trình giao thông (trừ các hoạt động môi giới, xuất khẩu lao động và tuyển dụng cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Tư vấn về đấu thầu và hợp đồng kinh tế xây dựng (không bao gồm tư vấn pháp luật);
- Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực xây dựng công trình giao thông;
- Thiết kế công trình cầu, hầm;
- Thiết kế công trình cầu đường;
- Thiết kế hệ thống điện chiếu sáng công trình giao thông. Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 35 KV;
- Khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn;
- Lập báo cáo đầu tư xây dựng, dự án đầu tư xây dựng, báo cáo kinh tế kỹ thuật;
- Lập hồ sơ mời thầu, phân tích và đánh giá hồ sơ dự thầu các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

- Lập tổng mức đầu tư dự án, lập dự toán và tổng dự toán các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; (trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký);
- Thẩm tra hồ sơ khảo sát, thẩm tra dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán và tổng dự toán các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; (trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký);
- Điều tra, phân tích, thu thập các số liệu phục vụ thiết kế các công trình tiện ích giao thông;
- Điều tra, thu thập các số liệu về quy hoạch, dân sinh, kinh tế-xã hội, các vấn đề liên quan đến giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn, xây dựng, công nghiệp.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu với công ty mẹ và các thành viên trong cùng Tổng Công ty). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu, hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao đối với các tài sản mua mới:

Tài sản cố định hữu hình	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	20-25
Máy móc và thiết bị	05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06-07
Tài sản cố định khác	05-07

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Phần mềm

Phần mềm được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính và thực hiện trích khấu hao trong 04 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời gian từ 01 năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 02 năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả với công ty Mẹ và các thành viên trong cùng Tổng Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu, là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm phát hành.

Vốn chủ sở hữu hiện nay của Công ty chỉ có cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ và phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoãn nộp tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông vận tải - CTCP (“Tổng Công ty”) và các Công ty con của Tổng Công ty, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, quản lý của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẦU LỚN - HÀM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.01 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt	454.562.140	77.973.502
Tiền gửi ngân hàng	6.351.323.581	6.869.784.561
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh HN	6.322.276.803	6.754.077.240
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	2.482.877	2.979.426
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	6.125.143	6.331.313
- Ngân hàng TMCP Sai Gòn Hà Nội	11.046.418	65.951.748
- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	9.392.340	40.444.834
Các khoản tương đương tiền	3.500.000.000	2.400.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	3.500.000.000	2.400.000.000
Cộng	10.305.885.721	9.347.758.063

5.02 Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	2.400.000.000	2.400.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	2.400.000.000	2.400.000.000	-	-
Cộng	2.400.000.000	2.400.000.000	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẦU LỚN - HÀM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.03 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu khách hàng	43.837.209.091	35.672.775.617
Ban QLDA hạ tầng khu KT mở Chu Lai	4.342.890.984	2.779.024.984
Ban QLDA GT khu vực cảng Cái Mép - Thị Vải	2.806.195.362	2.806.195.362
Sở GTVT tỉnh Quảng Ngãi - Ban QLDA ĐTXD tỉnh Quảng Ngãi	5.288.851.000	3.000.000
Công ty TNHH BOT Phú Hà	2.052.823.614	-
Ban QL DA ĐTXD các Công trình giao thông - Sở GTVT Lạng Sơn	2.567.102.955	50.000.000
Liên danh OCG - JBSI	9.230.861.398	-
Tổng công ty XDCT giao thông 1	942.437.444	2.454.579.262
Phải thu khách hàng khác	16.606.046.334	27.579.976.009
Phải thu các bên liên quan	1.208.232.650	1.184.407.850
Tổng công ty TVTK GTVT - CTCPC	998.207.850	1.043.807.850
Công ty TVCT Châu Á - Thái Bình Dương	40.600.000	40.600.000
Công ty CP TVTK Đường Bộ	69.424.800	-
Công ty CP TVXD Công trình giao thông 2	100.000.000	100.000.000
Cộng	45.045.441.741	36.857.183.467

Chi tiết tuổi nợ phải thu

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Dưới 1 năm	24.703.717.933	17.426.212.816
- Từ 1 đến 3 năm	10.544.295.088	9.432.783.501
- Trên 3 năm	9.797.428.720	9.998.187.150
Cộng	45.045.441.741	36.857.183.467

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.04 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.300.868.545	3.064.705.545
Công ty TNHH Tư vấn TKCN và XD Mô ĐC	181.818.181	272.727.272
Công ty TVTK CTGT 497 (Công ty CP TV 6)	454.545.455	454.545.455
Công ty CP TV ĐTXDGT tỉnh Bà Rịa Vũng tàu	195.000.000	195.000.000
Công ty CP đầu tư và XD Hưng phú	219.090.909	219.090.909
Công ty CP TVKT và CN Thạch Đình	294.545.455	187.172.455
Viện Vật lý địa cầu	182.989.000	382.989.000
Trả trước cho người bán khác	772.879.545	1.353.180.454
Trả trước cho Các bên liên quan	2.488.411.001	1.690.627.274
Công ty CP TVTK Kiểm định và địa kỹ thuật	439.511.000	200.000.000
Công ty CP TVTK Cầu đường	563.000.000	-
Công ty CP TVTK XDGT Thủy	60.000.000	60.000.000
Công ty CP TVXD CTGT 5	1.178.627.274	1.178.627.274
Công ty CP TVXD CTGT 2	200.000.000	200.000.000
Công ty tư vấn CT Châu á - Thái bình dương	47.272.727	52.000.000
Cộng	4.789.279.546	4.755.332.819

5.05 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND		01/01/2017 VND	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Bảo hiểm xã hội	66.035.838	-	68.000.761	-
Tạm ứng nhân viên	11.556.504.000	-	13.311.331.000	-
Phải thu BHXH nhân viên	26.717.340	-	22.384.087	-
Vũ Đức Minh	194.000.000	-	15.000.000	-
Phải thu khác	220.185.000	-	326.500.000	-
Cộng	12.063.442.178	-	13.743.215.848	-

5.06 Hàng tồn kho

	31/12/2017 VND		01/01/2017 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	22.523.066	-	24.210.119	-
Công cụ, dụng cụ	591.829	-	750.991	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.509.366.392	-	11.905.176.949	-
Cộng	11.532.481.287	-	11.930.138.059	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẦU LỚN - HẦM
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.07 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2017	3.381.708.470	1.822.660.435	3.472.130.523	549.499.605	1.569.719.294	10.795.718.327
Tăng trong năm	-	-	1.992.575.037	350.000.000	-	2.342.575.037
Mua trong năm	-	-	1.992.575.037	350.000.000	-	2.342.575.037
Giảm trong năm	-	-	1.483.623.883	-	-	1.483.623.883
Thanh lý	-	-	1.483.623.883	-	-	1.483.623.883
Số dư tại ngày 31/12/2017	3.381.708.470	1.822.660.435	3.981.081.677	899.499.605	1.569.719.294	11.654.669.481
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2017	1.804.358.305	1.521.884.687	2.743.720.830	547.037.084	1.569.719.294	8.186.720.200
Tăng trong năm	133.812.715	65.777.800	423.842.144	52.804.991	-	676.237.650
Khấu hao trong năm	133.812.715	65.777.800	423.842.144	52.804.991	-	676.237.650
Giảm trong năm	-	-	1.483.623.883	-	-	1.483.623.883
Thanh lý	-	-	1.483.623.883	-	-	1.483.623.883
Số dư tại ngày 31/12/2017	1.938.171.020	1.587.662.487	1.683.939.091	599.842.075	1.569.719.294	7.379.333.967
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2017	1.577.350.165	300.775.748	728.409.693	2.462.521	-	2.608.998.127
Tại ngày 31/12/2017	1.443.537.450	234.997.948	2.297.142.586	299.657.530	-	4.275.335.514

5.08 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2017	1.424.920.441	1.424.920.441
Tăng trong năm	760.000.000	760.000.000
Mua trong năm	760.000.000	760.000.000
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2017	<u>2.184.920.441</u>	<u>2.184.920.441</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2017	1.424.920.441	1.424.920.441
Tăng trong năm	103.589.041	103.589.041
Khấu hao trong năm	103.589.041	103.589.041
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2017	<u>1.528.509.482</u>	<u>1.528.509.482</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại ngày 01/01/2017	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2017	<u>656.410.959</u>	<u>656.410.959</u>

5.09 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công cụ, dụng cụ	203.446.542	146.322.268
Cộng	<u>203.446.542</u>	<u>146.322.268</u>

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán	9.385.217.257	9.385.217.257	12.279.989.620	12.279.989.620
TT nghiên cứu CN và TBCN	3.084.374.621	3.084.374.621	3.582.357.167	3.582.357.167
Công ty TNHH Tư vấn TKCN và XD Mô ĐC	415.214.455	415.214.455	541.682.637	541.682.637
Công ty TNHH đầu tư và phát triển GMC	440.645.818	440.645.818	440.645.818	440.645.818
Công ty CP khảo sát TKXD Đất Việt	1.695.124.001	1.695.124.001	-	-
Phải trả người bán khác	3.749.858.362	3.749.858.362	7.715.303.998	7.715.303.998
Phải trả bên liên quan	3.042.445.928	3.042.445.928	2.099.464.929	2.099.464.929
Công ty CP TVTK Kiểm định và địa kỹ thuật	2.034.624.999	2.034.624.999	1.511.100.000	1.511.100.000
Công ty CP TVTK Cầu đường	69.723.000	69.723.000	-	-
Công ty CP TVTK XDGT Thủy	225.884.001	225.884.001	363.718.001	363.718.001
Công ty CP TVXD CTGT 2	24.858.019	24.858.019	94.858.019	94.858.019
Công ty CP TVTK Giao thông vận tải 4	687.355.909	687.355.909	129.788.909	129.788.909
Cộng	12.427.663.185	12.427.663.185	14.379.454.549	14.379.454.549

5.11 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Khách hàng ứng trước	43.020.090.076	37.181.696.193
Ban QLDA giao thông Thái Bình	3.000.000.000	814.019.000
Tổng công ty Xây dựng số 1 - CTCP	16.322.361.228	6.941.884.400
Ban QLDA công trình VH sở VH TT và du lịch Ninh Bình	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty CP Đạt Phương	1.084.459.000	269.201.000
Trung tâm tư vấn Xây dựng 80	3.843.153.765	2.121.952.605
Ban QLDA hỗ trợ KT thuộc DA CTPT các Đô thị loại 2 - Hà Giang	1.300.000.000	-
Người mua ứng trước khác	14.970.116.083	24.534.639.188
Bên liên quan ứng trước	-	960.000.000
Công ty CP Tư vấn thiết kế Đường bộ	-	960.000.000
Cộng	43.020.090.076	38.141.696.193

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2017 VND	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2017 VND
Phải nộp	1.834.552.577	9.119.623.084	9.249.495.727	1.704.679.934
Thuế giá trị gia tăng	1.160.630.624	6.818.272.419	6.679.487.617	1.299.415.426
Thuế thu nhập doanh nghiệp	514.124.523	1.641.526.316	1.920.608.474	235.042.365
Thuế thu nhập cá nhân	159.797.430	656.824.349	646.399.636	170.222.143
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	1.834.552.577	9.119.623.084	9.249.495.727	1.704.679.934

5.13 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Kinh phí công đoàn	31.171.952	22.122.973
Tạm vay tiền cá nhân	720.900.000	-
Người mua trả tiền nhằm	206.871.000	206.871.000
Phải trả Tổng công ty TVKT GTVT - CTCPC	458.435.054	380.722.120
Công ty CP TĐ ĐTXD HJC	200.000.000	-
Các khoản phải trả khác	254.091.680	626.164.727
Cộng	1.871.469.686	1.235.880.820

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẦU LỚN - HÀM
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.14 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Đơn vị: VNĐ Cộng
Số dư tại 01/01/2016	15.000.000.000	(1.120.000)	3.605.723.505	18.604.603.505
Tăng trong năm	-	-	4.075.024.043	4.075.024.043
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	4.075.024.043	4.075.024.043
Giảm trong năm	-	-	3.563.012.600	3.563.012.600
Chia cổ tức cho cổ đông	-	-	2.549.809.600	2.549.809.600
Trích lập các quỹ	-	-	1.013.203.000	1.013.203.000
Số dư tại 31/12/2016	15.000.000.000	(1.120.000)	4.117.734.948	19.116.614.948
Số dư 01/01/2017	15.000.000.000	(1.120.000)	4.117.734.948	19.116.614.948
Tăng trong năm	-	-	6.348.648.275	6.348.648.275
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	6.348.648.275	6.348.648.275
Giảm trong năm	-	-	3.840.798.400	3.840.798.400
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	2.699.798.400	2.699.798.400
Trích quỹ	-	-	1.141.000.000	1.141.000.000
Số dư tại 31/12/2017	15.000.000.000	(1.120.000)	6.625.584.823	21.624.464.823

5.14 **Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

b. **Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Vận tải - CTCP	765.000	51,00%	765.000	51,00%
Các cổ đông khác	734.888	48,99%	734.888	48,99%
Cổ phiếu quỹ	112	0,01%	112	0,01%
Cộng	1.500.000	100%	1.500.000	100%

c. **Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	15.000.000.000	15.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	15.000.000.000	15.000.000.000
Cổ tức đã chia, trích các quỹ	3.840.798.400	3.563.012.600

d. **Cổ phiếu**

	31/12/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.500.000	1.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.500.000	1.500.000
Cổ phiếu phổ thông	1.500.000	1.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	112	112
Cổ phiếu phổ thông	112	112
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.499.888	1.499.888
Cổ phiếu phổ thông	1.499.888	1.499.888
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	107.203.703.450	84.574.322.728
	Cộng	<u>107.203.703.450</u>	<u>84.574.322.728</u>
6.02	Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
	Giảm trừ doanh thu công trình	668.042.355	55.770.000
	Cộng	<u>668.042.355</u>	<u>55.770.000</u>
6.03	Giá vốn hàng bán	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	82.567.998.665	68.776.732.350
	Cộng	<u>82.567.998.665</u>	<u>68.776.732.350</u>
6.04	Doanh thu tài chính	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
	Lãi tiền gửi	41.030.941	133.049.763
	Cộng	<u>41.030.941</u>	<u>133.049.763</u>
6.05	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
	Chi phí nhân viên quản lý	4.597.709.979	3.801.707.917
	Chi phí vật liệu quản lý	102.474.024	104.297.372
	Chi phí đồ dùng văn phòng	95.714.668	81.131.750
	Chi phí khấu hao TSCĐ	136.726.982	-
	Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
	Chi phí dự phòng	3.700.000.000	-
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.309.211.302	4.108.702.444
	Chi phí khác bằng tiền	3.304.537.571	2.241.867.732
	Cộng	<u>16.249.374.526</u>	<u>10.340.707.215</u>

6.06 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.990.174.591	5.324.366.528
Điều chỉnh tăng các chi phí không được trừ	217.456.990	298.783.398
Tổng thu nhập chịu thuế	8.207.631.581	5.623.149.926
Thuế TNDN phải nộp	1.641.526.316	1.249.342.485
Thuế TNDN theo thuế suất hiện hành (20%)	1.641.526.316	1.124.629.985
Thuế TNDN các năm trước	-	124.712.500
Cộng chi phí thuế TNDN	1.641.526.316	1.249.342.485

6.07 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	6.348.648.275	4.075.024.043
<i>Các khoản điều chỉnh</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	6.348.648.275	4.075.024.043
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	1.499.888	1.499.888
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	4.233	2.717

6.08 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	10.014.482.521	7.949.629.460
Chi phí nhân công	32.840.785.561	27.155.056.547
Chi phí BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	1.919.991.870	1.952.186.255
Chi phí khấu hao TSCĐ	779.826.691	333.179.805
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.857.114.897	19.178.205.368
Chi phí bằng tiền khác	7.825.663.901	3.383.924.344
Chi phí thuê phụ	15.183.697.193	17.581.474.544
Cộng	98.421.562.634	77.533.656.323

7. THÔNG TIN KHÁC

7.01 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

7.02 Thông tin về các bên liên quan

a) Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP

Đơn vị: VND

Vụ việc	Giao dịch năm 2017		Số dư 31/12/2017	
	Mua hàng/ dịch vụ	Bán hàng/dịch vụ	Phải thu/ (nhận ứng trước)	Phải trả/ (ứng trước NCC)
Cầu Nhật Tân	-	-	18.494.850	-
Cầu Ngọc thất	-	-	565.354.000	-
Cầu Đồng nai - Vòng xoay Amata - Tam hiệp	-	78.489.091	-	-
Dự án tư vấn nước ngoài	-	182.844.617	-	-
DA tín dụng ngành GTVT - 29 cầu yếu - mở rộng QL 1A	-	3.070.648.650	-	-
Nút giao Tân Thới Hiệp	-	269.227.272	-	-
Hầm đường bộ Phước Tượng - Phú gia QL 1A	-	-	414.359.000	-
Cầu Gián Khẩu	-	1.752.510.909	-	-
Đường sắt Bắc Nam với QL 1A	-	134.143.636	-	-
Cộng	-	5.487.864.175	998.207.850	-

b) Công ty Tư vấn công trình Châu Á - Thái Bình Dương

Đơn vị: VND

Vụ việc	Giao dịch năm 2017		Số dư 31/12/2017	
	Mua hàng/dịch vụ	Bán hàng/dịch vụ	Phải thu/ (nhận ứng trước)	Phải trả/ (ứng trước NCC)
Đường cao tốc Nội Bài _ Lào Cai	-	-	40.600.000	-
Đường cao tốc Đà Nẵng quảng Ngãi	-	-	-	(47.272.727)
Cộng	-	-	40.600.000	(47.272.727)

c) Công ty CP Tư vấn thiết kế Đường bộ

Đơn vị: VND

Vụ việc	Giao dịch năm 2017		Số dư 31/12/2017	
	Mua hàng/dịch vụ	Bán hàng/dịch vụ	Phải thu/ (nhận ứng trước)	Phải trả/ (ứng trước NCC)
Cầu An Hào	1.519.789.091	-	69.424.800	-
Cộng	1.519.789.091	-	69.424.800	-

7. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

7.02 Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)

d) Công ty CP Tư vấn xây dựng Công trình giao thông 2

Đơn vị: VND

Vụ việc	Giao dịch năm 2017		Số dư 31/12/2017	
	Mua hàng/dịch vụ	Bán hàng/dịch vụ	Phải thu/ (nhận ứng trước)	Phải trả/ (ứng trước NCC)
Cầu Cửa Đại	-	-	100.000.000	-
Quốc lộ 2 đoạn Nội bài - Vĩnh Yên	-	-	-	(200.000.000)
Cầu Cẩm lương	-	-	-	24.858.019
Cộng	-	-	100.000.000	(175.141.981)

e) Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế Kiểm định và địa kỹ thuật

Đơn vị: VND

Vụ việc	Giao dịch năm 2017		Số dư 31/12/2017	
	Mua hàng/dịch vụ	Bán hàng/dịch vụ	Phải thu/ (nhận ứng trước)	Phải trả/ (ứng trước NCC)
Đường Tân vũ Lạch huyện	3.556.396.363	-	-	1.612.035.999
Đường kết nối CT cầu Giẽ - Ninh bình (cầu Trại Mế)	-	-	-	(133.689.000)
Cầu Đông Thịnh	-	-	-	333.689.000
Cầu Nam Sơn	517.145.455	-	-	-
DA tuyến đường bộ ven biển Hải Phòng - Thái Bình	5.363.636.364	-	-	-
Cầu Bình Ca	-	-	-	88.900.000
Cầu Tình Húc	862.889.091	-	-	(105.822.000)
Tiêu dự án Thái nguyên	-	-	-	(200.000.000)
Cộng	10.300.067.273	-	-	1.595.113.999

f) Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế Cầu đường

Đơn vị: VND

Vụ việc	Giao dịch năm 2017		Số dư 31/12/2017	
	Mua hàng/dịch vụ	Bán hàng/dịch vụ	Phải thu/ (nhận ứng trước)	Phải trả/ (ứng trước NCC)
DA tuyến đường bộ ven biển Hải Phòng - Thái Bình	-	-	-	(563.000.000)
Cầu Tình Húc	629.748.182	-	-	69.723.000
Cộng	629.748.182	-	-	(493.277.000)

g) Công ty CP Tư vấn thiết kế Giao thông Thủy

Đơn vị: VND

Vụ việc	Giao dịch năm 2017		Số dư 31/12/2017	
	Mua hàng/dịch vụ	Bán hàng/dịch vụ	Phải thu/ (nhận ứng trước)	Phải trả/ (ứng trước NCC)
Tuyến tránh TT Mỏ cày - QL 60 Bến tre	-	-	-	(60.000.000)
Đường An thới - Cửa lấp	-	-	-	225.884.001
Cộng	-	-	-	165.884.001

7. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

7.02 Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)

h) Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Công trình giao thông 5

Đơn vị: VND

Vụ việc	Giao dịch năm 2017		Số dư 31/12/2017	
	Mua hàng/dịch vụ	Bán hàng/dịch vụ	Phải thu/ (nhận ứng trước)	Phải trả/ (ứng trước NCC)
Cầu Cửa Đại	-	-	-	(1.178.627.274)
Cộng	-	-	-	(1.178.627.274)

i) Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Công trình giao thông 4

Đơn vị: VND

Vụ việc	Giao dịch năm 2017		Số dư 31/12/2017	
	Mua hàng/dịch vụ	Bán hàng/dịch vụ	Phải thu/ (nhận ứng trước)	Phải trả/ (ứng trước NCC)
Cầu Cửa Đại	3.961.424.546	-	-	557.567.000
DA tín dụng ngành GTVT - 29 cầu yếu	-	-	-	129.788.909
Cộng	3.961.424.546	-	-	687.355.909

7.03 Thông tin về Lương của Ban điều hành, Thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát

Bên liên quan	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lương của Ban Giám đốc điều hành	2.335.832.843	2.216.500.471
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	443.000.000	517.000.000

c. Thông tin về số lao động, quỹ lương người lao động và lương bình quân

Nội dung	Năm 2017	Năm 2016
Tổng số lao động bình quân (người)	162	162
Quỹ lương người lao động (đồng)	31.685.805.561	27.155.056.547
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	16.299.283	13.968.650

(*) Khác với năm 2016, Tổng số lao động bình quân và Quỹ lương người lao động năm 2017 đang trình bày đối với số lao động thường xuyên của Công ty, không bao gồm lương của các chuyên gia, lao động thuê ngoài theo hợp đồng.

7. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

7.04 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu kỳ được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

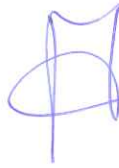
Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2018

Người lập



Bùi Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng



Đào Thị Mai Phương

Giám đốc



Trần Khánh Hà